

拼音 Pinyin g, k, h

g k h

1. Escuchar y elegir el tono correspondiente. 听一听，选择对应的声调。

- | | |
|--------------|----------------|
| 1) gá / gǎ | 5) hōng / hóng |
| 2) kě / kē | 6) kǒu / kòu |
| 3) hěn / hèn | 7) huān / huàn |
| 4) kài / kāi | 8) gào / gǎo |

2. Escuchar y elegir el inicial correspondiente. 听一听，选择对应的声母。

- | | |
|------------|--------------|
| 1) _____āi | 5) _____uǎn |
| 2) _____uǐ | 6) _____uáng |
| 3) _____ǒu | 7) _____àn |
| 4) _____ǎo | 8) _____ēng |